

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mệ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng quản trị

Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Ủy viên
Ông Lâm Trọng Lương	Ủy viên
Ông Đặng Văn Trường	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29/03/2017)
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 29/03/2017)

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên
Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là bà Phạm Thị Xuân Nguyệt, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt may 29/3, được lập ngày 22 tháng 3 năm 2018, từ trang 6 đến trang 48 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2018



Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt

VÕ THẾ HOÀNG - Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		484.990.274.052	445.646.808.784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.454.186.167	49.720.588.004
1. Tiền	111		38.267.442.647	26.951.104.671
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.186.743.520	22.769.483.333
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		34.395.226.055	38.477.985.151
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	34.395.226.055	38.477.985.151
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.079.902.133	137.969.594.231
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	134.966.038.630	117.498.333.083
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.409.332.388	11.537.379.936
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	6.741.563.465	2.949.069.462
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(37.032.350)	(15.188.250)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	229.581.270.163	206.893.014.630
1. Hàng tồn kho	141		232.190.954.554	208.547.671.936
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.609.684.391)	(1.654.657.306)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.479.689.534	12.585.626.768
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	753.854.700	935.093.373
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.709.128.732	10.036.954.953
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	3.016.706.102	1.613.578.442
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		257.293.665.694	274.668.617.392
II. Tài sản cố định	220		247.264.747.574	260.762.945.892
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	242.728.964.626	256.744.624.472
Nguyên giá	222		420.323.591.460	400.747.442.793
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(177.594.626.834)	(144.002.818.321)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.535.782.948	4.018.321.420
Nguyên giá	228		6.676.236.564	5.637.791.558
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.140.453.616)	(1.619.470.138)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		528.691.879	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		528.691.879	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	500.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.000.226.241	13.905.671.500
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	9.000.226.241	13.905.671.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		742.283.939.746	720.315.426.176

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		635.346.721.251	626.755.716.815
I. Nợ ngắn hạn	310		517.742.646.952	498.258.629.572
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	41.956.477.011	38.741.731.055
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		49.943.836	866.183.905
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	85.248.795	142.570.015
4. Phải trả người lao động	314		41.413.941.514	55.985.872.288
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.813.488.740	1.625.077.358
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	8.321.372.926	3.996.886.206
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	416.857.120.616	392.612.751.959
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	7.245.053.514	4.287.556.786
II. Nợ dài hạn	330		117.604.074.299	128.497.087.243
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	22.735.000.000	22.785.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	94.869.074.299	105.712.087.243
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		106.937.218.495	93.559.709.361
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	106.937.218.495	93.559.709.361
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>42.000.000.000</i>	<i>42.000.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.069.140.847	7.069.140.847
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.372.819.649	18.489.619.074
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.495.257.999	26.000.949.440
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>5.619.081.773</i>	<i>4.707.613.976</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>26.876.176.226</i>	<i>21.293.335.464</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		742.283.939.746	720.315.426.176

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 3 năm 2018



PHẠM THỊ XUÂN NGUYỄN
Tổng Giám đốc

ĐẶNG VĂN TRƯỜNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM LIÊN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		918.519.269.283	798.022.093.526
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		217.828.424	559.163.334
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	918.301.440.859	797.462.930.192
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	816.731.156.452	700.223.543.352
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		101.570.284.407	97.239.386.840
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.602.544.831	11.962.578.401
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	20.221.083.375	24.557.776.114
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.973.305.727	13.939.360.660
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.569.215.291	9.827.371.429
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	50.820.228.059	46.770.994.847
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.562.302.513	28.045.822.851
11. Thu nhập khác	31		1.895.145.950	3.900.951.702
12. Chi phí khác	32		793.446.245	467.410.751
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	1.101.699.705	3.433.540.951
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.664.002.218	31.479.363.802
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	4.787.825.992	5.986.028.338
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.876.176.226	25.493.335.464
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	5.119	4.856
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a	5.119	4.856



Đà Nẵng, ngày 22 tháng 3 năm 2018

PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT
Tổng Giám đốcĐẶNG VĂN TRƯỜNG
Kế toán trưởngNGUYỄN THỊ KIM LIÊN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mệ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.664.002.218	31.479.363.802
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		35.861.883.455	26.943.428.128
- Các khoản dự phòng	03		976.871.185	8.760.250
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.264.323.631	6.726.924.489
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.416.970.329)	(3.700.591.849)
- Chi phí lãi vay	06		17.973.305.727	13.939.360.660
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		88.323.415.887	75.397.245.480
- Tăng các khoản phải thu	09	VII	(29.424.704.346)	(20.254.514.167)
- Tăng hàng tồn kho	10		(24.892.653.207)	(56.591.253.353)
- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	(12.125.792.013)	36.644.060.523
- (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		5.979.603.227	(6.376.826.741)
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(17.973.305.727)	(14.145.235.780)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.165.028.338)	(6.712.785.457)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	3.300.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.141.170.364)	(2.292.950.287)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.580.365.119	5.671.040.218
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(18.341.332.995)	(176.378.887.667)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		31.818.182	641.636.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46.398.346.460)	(151.139.246.262)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		55.981.105.556	147.131.261.111
6. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	4.385.152.148	3.828.658.458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.341.603.569)	(175.916.577.997)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2. Tiền thu từ đi vay	33		884.566.399.226	889.267.553.156
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(877.671.562.613)	(699.004.341.468)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(8.400.000.000)	(12.596.001.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.505.163.387)	177.667.210.688

CHỈ TIÊU
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ

Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
50		(4.266.401.837)	7.421.672.909
60		49.720.588.004	42.292.218.513
61		-	6.696.582
70		<u>45.454.186.167</u>	<u>49.720.588.004</u>

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 3 năm 2018



PHẠM THỊ XUÂN NGUYỄN
Tổng Giám đốc

ĐẶNG VĂN TRƯỜNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM LIÊN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Dệt may 29/3, được cổ phần hóa theo Quyết định số 9312/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203001358 (số mới là 0400100457) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 27 tháng 3 năm 2007, thay đổi đến lần thứ 13 ngày 25 tháng 12 năm 2017.

- Vốn điều lệ** : 42.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 4.200.000 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Huỳnh Văn Chính	517 Trần Hưng Đạo, Thành phố Đà Nẵng	391.990	3.919.900.000	9,33
2	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	225 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Đà Nẵng	442.000	4.420.000.000	10,52
3	Ông Lâm Trọng Lương	47 Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	399.385	3.993.850.000	9,52
4	Ông Nguyễn Xuân Anh	225 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Đà Nẵng	259.700	2.597.000.000	6,18
5	Ông Nguyễn Đình Trường	Số 6 Ngô Bệ, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	308.000	3.080.000.000	7,33
6	Ông Nguyễn Xuân Tùng	225 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Đà Nẵng	303.000	3.030.000.000	7,21
7	Cổ đông khác		2.095.925	20.959.250.000	49,9%
	Cộng		4.200.000	42.000.000.000	100,00

- Trụ sở hoạt động**

Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (84-0236) 3 756 999

Fax : (84-0236) 3 759 622

Email : hachiba@dng.vnn.vn

Website : www.hachiba.com.vn

Mã số thuế : **0 4 0 0 1 0 0 4 5 7**

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Sản xuất các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Sản xuất các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may. Bán buôn và bán lẻ các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Bán buôn các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may. Kinh doanh các dịch vụ thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.068 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4.257 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là kỳ kế toán năm thứ 11 của Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán tại Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

6. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi ngân hàng; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013”, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Tài sản cố định khác	10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán/phần máy tính và tài sản cố định vô hình khác.

Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà

Đây là giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà số 478 Điện Biên Phủ, phường Thanh Lộc Đán, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Phần mềm máy tính/ kế toán

Giá trị phần mềm máy tính/ kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm máy tính/ kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác phản ánh giá trị của các chương trình quản lý sản xuất, chất lượng sản phẩm, bao gồm chương trình quản lý tiến độ sản xuất, chương trình điều khiển máy in hoa và chương trình ISO 9001-2000, phản ánh là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các chương trình này vào sử dụng. Giá trị của các chương trình quản lý này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí mua bảo hiểm tài sản, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 hoặc 5 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả tiền phạt, bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,... và các khoản phải trả khác.

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

15. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Lãi trên cổ phần

Lãi cơ bản trên cổ phần được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phần phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phần được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phần phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phần phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phần.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền mặt	18.068.406	165.241.029
Tiền gửi ngân hàng (i)	38.249.374.241	26.785.863.642
Các khoản tương đương tiền (ii)	7.186.743.520	22.769.483.333
Cộng	45.454.186.167	49.720.588.004

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,1%/năm (năm 2016: 6,1%/năm đến 6,2%/năm).

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	34.395.226.055	34.395.226.055	38.477.985.151	38.477.985.151
Dài hạn				
Đầu tư trái phiếu kỳ hạn 10 năm	500.000.000	500.000.000	-	-
Cộng	34.895.226.055	34.895.226.055	38.477.985.151	38.477.985.151

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,1%/năm (năm 2016: 6,2%/năm đến 6,7%/năm).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong đó, số dư tiền gửi kỳ hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 34.681.969.575 VND đang được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt, xem Thuyết minh số V.15.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	31/12/2016
Công ty May Sportteam Corporation	3.461.310.828	4.317.501.562
Lanier Clothes	23.493.816.713	22.761.677.267
Desipro Pte., Ltd.	58.570.066.057	55.798.908.984
Apropos Corporation Co., Ltd.	16.979.341.059	16.414.777.408
Bagir Group Ltd,	27.252.433.392	13.968.169.200
Các khách hàng khác	5.209.070.581	4.237.298.662
Cộng	134.966.038.630	117.498.333.083

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	31/12/2016
Công ty Cổ phần dệt Hòa Khánh Đà Nẵng	9.534.603.434	4.223.042.533
Cosmo Textile Industry Co., Ltd.	-	2.149.292.586
DNTN Cơ Khí Nghĩa Thành	4.207.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	4.667.228.954	5.165.044.817
Cộng	18.409.332.388	11.537.379.936

5. Phải thu khác

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	6.730.317.574	-	2.949.069.462	-
Phải thu BHXH	969.218.408	-	977.000.000	-
Ứng trước cổ tức cho cổ đông	4.065.334.258	-	-	-
Phải thu lãi tiền gửi	374.362.852	-	83.343.586	-
Tạm ứng	128.600.000	-	125.600.000	-
Cục Hải quan Quản lý hàng				
Đầu tư gia công	-	-	390.553.177	-
Ký cược, ký quỹ	413.541	-	413.541	-
Chi hộ tiền cơm nhân viên	831.220.266	-	972.212.966	-
Các khoản phải thu khác	372.414.140	-	399.946.192	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.741.563.465	-	2.949.069.462	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	31/12/2017			31/12/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	93.632.024	56.599.674	(37.032.350)	23.948.500	8.760.250	(15.188.250)
Công ty Cổ phần Đại Hưng	6.428.000	-	(6.428.000)	6.428.000	-	(6.428.000)
Công ty TNHH TM Bất Động Sản Hưng Việt - Chi Nhánh Quảng Ngãi	16.398.500	4.919.550	(11.478.950)	16.398.500	8.199.250	(8.199.250)
Công ty TNHH MTV Taseco Oceanview Đà Nẵng	1.122.000	336.600	(785.400)	1.122.000	561.000	(561.000)
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Cát Vàng	52.800.000	36.960.000	(15.840.000)	-	-	-
Công ty TNHH TM & DV Quỳnh Minh Thi	16.883.524	14.383.524	(2.500.000)	-	-	-
Cộng	93.632.024	56.599.674	(37.032.350)	23.948.500	8.760.250	(15.188.250)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng (*)	Giá gốc	Dự phòng (*)
Hàng đang đi trên đường	1.678.087.979	-	1.345.980.154	-
Nguyên liệu, vật liệu	108.872.837.515	-	106.349.966.087	-
Công cụ, dụng cụ	3.955.864.818	-	2.767.221.849	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.434.159.151	-	26.952.539.689	-
Thành phẩm	89.876.895.315	(2.609.684.391)	70.740.683.975	(1.654.657.306)
Hàng hóa	114.522.351	-	132.726.140	-
Hàng gửi bán	258.587.425	-	258.554.042	-
Cộng	232.190.954.554	(2.609.684.391)	208.547.671.936	(1.654.657.306)

(*) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho một số thành phẩm ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ trong năm như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Tại ngày 01 tháng 01	1.654.657.306	1.807.270.496
Trích lập trong năm	2.609.684.391	1.654.657.306
Hoàn nhập trong năm	(1.654.657.306)	(1.807.270.496)
Tại ngày 31 tháng 12	2.609.684.391	1.654.657.306

Như trình bày tại Thuyết minh số V.15, Công ty đã thế chấp hàng tồn bình quân trị giá 55.000.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng. Ngoài ra, Công ty còn thế chấp hàng tồn kho có trị giá tương ứng mới gốc vay tại mọi thời điểm để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

8. Chi phí trả trước

	31/12/2017	31/12/2016
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	753.854.700	935.093.373
Phí bảo hiểm tài sản	268.582.607	243.401.483
Công cụ, dụng cụ	173.695.569	429.259.517
Các chi phí khác	311.576.524	262.432.373
b) Chi phí trả trước dài hạn	9.000.226.241	13.905.671.500
Công cụ, dụng cụ	8.124.249.315	12.784.783.392
Chi phí sửa chữa	868.374.671	-
Các chi phí khác	7.602.255	1.120.888.108
Cộng	9.754.080.941	14.840.764.873

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
01/01/2017	95.229.129.255	273.722.051.654	26.876.222.979	4.638.238.905	281.800.000	400.747.442.793
Tăng trong năm	2.557.809.504	15.908.212.703	1.333.548.391	1.525.669.534	-	21.325.240.132
Mua mới trong năm		15.908.212.703	1.333.548.391	1.525.669.534	-	18.767.430.628
Đầu tư mua sắm, XD CB hoàn thành	2.557.809.504	-	-	-	-	2.557.809.504
Giảm trong năm	-	1.749.091.465	-	-	-	1.749.091.465
Thanh lý, nhượng bán	-	270.326.633	-	-	-	270.326.633
Điều chỉnh giảm	-	1.478.764.832	-	-	-	1.478.764.832
31/12/2017	97.786.938.759	287.881.172.892	28.209.771.370	6.163.908.439	281.800.000	420.323.591.460
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2017	24.868.865.949	105.167.743.707	11.042.867.827	2.892.426.263	30.914.575	144.002.818.321
Tăng trong năm	3.185.204.912	29.318.772.052	2.219.110.116	589.782.355	28.198.092	35.341.067.527
Khấu hao trong năm	3.185.204.912	29.318.772.052	2.219.110.116	589.782.355	28.198.092	35.341.067.527
Giảm trong năm	-	1.749.091.464	-	-	-	1.749.091.464
Thanh lý, nhượng bán	-	270.326.632	-	-	-	270.326.632
Điều chỉnh giảm	-	1.478.764.832	-	-	-	1.478.764.832
31/12/2017	28.054.070.861	132.737.256.745	13.261.977.943	3.482.208.618	59.112.667	177.594.626.834
Giá trị còn lại						
01/01/2017	70.360.263.306	168.554.307.947	15.833.355.152	1.745.812.642	250.885.425	256.744.624.472
31/12/2017	69.732.867.898	155.143.916.147	14.947.793.427	2.681.699.821	222.687.333	242.728.964.626

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng:						
01/01/2017	470.480.797	51.213.860.367	7.421.168.238	1.932.866.524	-	61.038.375.926
31/12/2017	470.480.797	68.265.134.035	7.745.540.920	2.714.313.016	-	79.195.468.768
GTCL của TSCĐ thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem Thuyết minh số V.15):						
01/01/2017	59.493.043.991	149.981.148.539	5.409.607.690	852.756.001	-	215.736.556.221
31/12/2017	57.490.777.182	124.911.642.384	4.764.078.689	760.949.383	-	187.927.447.638

10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng nhà, đất	Phần mềm Winprot và Office Std	Phần mềm kế toán	Phần mềm hải quan điện tử	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
01/01/2017	1.656.255.600	88.605.000	932.684.800	46.800.000	2.913.446.158	5.637.791.558
Tăng trong năm	-	1.038.445.006	-	-	-	1.038.445.006
Mua mới trong năm	-	1.038.445.006	-	-	-	1.038.445.006
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
31/12/2017	1.656.255.600	1.127.050.006	932.684.800	46.800.000	2.913.446.158	6.676.236.564

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giá trị hao mòn lũy kế**

01/01/2017	192.309.678	87.128.250	508.880.581	46.800.000	784.351.629	1.619.470.138
Tăng trong năm	82.812.780	1.476.750	145.855.368	-	565.961.038	796.105.936
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>82.812.780</i>	<i>1.476.750</i>	<i>145.855.368</i>	<i>-</i>	<i>565.961.038</i>	<i>796.105.936</i>
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	275.122.458
<i>Điều chỉnh giảm trong năm</i>	<i>275.122.458</i>					<i>275.122.458</i>

31/12/2017	-	88.605.000	654.735.949	46.800.000	1.350.312.667	2.140.453.616
-------------------	----------	-------------------	--------------------	-------------------	----------------------	----------------------

Giá trị còn lại

01/01/2017	1.463.945.922	1.476.750	423.804.219	-	2.129.094.529	4.018.321.420
31/12/2017	1.656.255.600	1.038.445.006	277.948.851	-	1.563.133.491	4.535.782.948

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng:

01/01/2017	-	-	203.408.000	46.800.000	207.677.400	457.885.400
31/12/2017	-	88.605.000	203.408.000	46.800.000	207.677.400	546.490.400

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	51.586.700	51.586.700	1.901.753.600	1.901.753.600
Chi nhánh Công ty TNHH YKK Việt nam - Công ty TNHH YKK Việt Nam	4.606.789.706	4.606.789.706	434.560.645	434.560.645
Công ty TNHH Việt Vương 2	3.426.217.966	3.426.217.966	-	-
Textile Enterprises Limited	2.492.314.373	2.492.314.373	2.405.029.612	2.405.029.612
Công ty TNHH Dệt Liên Châu	1.918.187.815	1.918.187.815	-	-
Công ty TNHH Mainetti Việt Nam	2.290.873.365	2.290.873.365	2.008.386.633	2.008.386.633
Reudenberg & Vilene International Ltd.	256.866.851	256.866.851	2.005.903.678	2.005.903.678
Công ty TNHH SHINIH Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	1.182.304.012	1.182.304.012
Công ty TNHH Ánh Ngân QN	4.207.409.713	4.207.409.713	1.660.698.688	1.660.698.688
M&S VTec Shipping Ltd.	813.576.911	813.576.911	1.754.954.822	1.754.954.822
Công ty TNHH MTV Dệt Vinh Phát	1.048.703.686	1.048.703.686	1.566.914.298	1.566.914.298
Indeca Sporting Goods PVT Ltd.	13.262.283	13.262.283	1.657.745.460	1.657.745.460
Kufner Hong Kong Ltd.	2.021.804.453	2.021.804.453	1.194.686.133	1.194.686.133
Luen Hing Textile Company Limited	160.691.662	160.691.662	1.819.749.316	1.819.749.316
Các nhà cung cấp khác	18.648.191.527	18.648.191.527	19.149.044.158	19.149.044.158
Cộng	41.956.477.011	41.956.477.011	38.741.731.055	38.741.731.055

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2017
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	2.125.778.108	2.142.332.859	(16.554.751)
Thuế nhập khẩu	-	1.408.034.895	1.417.405.509	(9.370.614)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.597.503.888)	4.787.825.992	6.165.028.338	(2.974.706.234)
Thuế thu nhập cá nhân	142.570.015	2.561.889.993	2.619.211.213	85.248.795
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.923.909.665	1.923.909.665	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	(16.074.554)	137.758.708	137.758.657	(16.074.503)
Cộng	(1.471.008.427)	12.945.197.361	20.485.557.872	(2.931.457.307)

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.613.578.442	-	3.016.706.102
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>142.570.015</u>	-	<u>85.248.795</u>

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	31/12/2016
Chi phí lãi vay	537.194.600	145.919.772
Thù lao Hội Đồng Quản Trị & Ban Kiểm soát	182.812.499	226.030.499
Trích trước chi phí tổng kết	-	130.000.000
Chi phí vận chuyển, xuất nhập khẩu	7.590.207	7.590.207
Lệ phí hải quan năm 2017	70.080.000	-
Các chi phí khác	979.117.134	1.115.536.880
Cộng	<u>1.813.488.740</u>	<u>1.625.077.358</u>

14. Phải trả khác

a) Ngắn hạn	8.321.372.926	3.996.886.206
Kinh phí công đoàn	1.192.287.130	296.045.386
Phải trả người lao động	70.776.024	187.474.804
Phải trả cổ tức	-	135.227.992
Công ty TNHH MTV Dệt Vinh Phát	183.084.248	138.500.071
Bagir Group Ltd.	3.920.186.549	499.410.595
Desipro Pte., Ltd.	920.553.784	1.172.082.508
Các khoản phải trả khác	2.034.485.191	1.703.372.842
b) Dài hạn	22.735.000.000	22.785.000.000
Bagir Group Ltd.	22.735.000.000	22.785.000.000
Cộng	<u>31.056.372.926</u>	<u>26.781.886.206</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	416.857.120.616	416.857.120.616	865.973.842.964	(841.729.474.307)	392.612.751.959	392.612.751.959
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>382.860.475.728</i>	<i>382.860.475.728</i>	<i>831.977.198.076</i>	<i>(808.885.767.507)</i>	<i>359.769.045.159</i>	<i>359.769.045.159</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	141.757.415.458	141.757.415.458	328.195.837.510	(337.768.283.782)	151.329.861.730	151.329.861.730
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (ii)	118.823.378.623	118.823.378.623	263.333.954.678	(264.240.198.338)	119.729.622.283	119.729.622.283
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt (iii)	14.615.152.200	14.615.152.200	50.733.512.470	(42.384.301.870)	6.265.941.600	6.265.941.600
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (iv)	31.906.465.500	31.906.465.500	37.389.367.680	(10.585.131.780)	5.102.229.600	5.102.229.600
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (v)	24.812.240.411	24.812.240.411	62.970.952.536	(77.843.238.312)	39.684.526.187	39.684.526.187
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Chi nhánh Sông Hàn	37.799.537.247	37.799.537.247	46.482.030.196	(8.682.492.949)	-	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng (vi)	13.146.286.289	13.146.286.289	42.871.543.006	(52.771.981.965)	23.046.725.248	23.046.725.248
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (vii)	-	-	-	(14.610.138.511)	14.610.138.511	14.610.138.511
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	<i>33.996.644.888</i>	<i>33.996.644.888</i>	<i>33.996.644.888</i>	<i>(32.843.706.800)</i>	<i>32.843.706.800</i>	<i>32.843.706.800</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (viii)	11.306.794.153	11.306.794.153	11.306.794.153	(10.629.166.774)	10.629.166.774	10.629.166.774

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	1.487.269.229	1.487.269.229	1.487.269.229	(1.305.072.000)	1.305.072.000	1.305.072.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (ix)	11.314.571.500	11.314.571.500	11.314.571.500	(9.401.728.000)	9.401.728.000	9.401.728.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (x)	6.653.882.006	6.653.882.006	6.653.882.006	(6.668.516.026)	6.668.516.026	6.668.516.026
Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Đà Nẵng (xi)	341.100.000	341.100.000	341.100.000	(1.941.708.000)	1.941.708.000	1.941.708.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng (xii)	2.893.028.000	2.893.028.000	2.893.028.000	(2.897.516.000)	2.897.516.000	2.897.516.000
b) Vay dài hạn ngân hàng	94.869.074.300	94.869.074.300	(8.897.569.526)	(1.945.443.417)	105.712.087.243	105.712.087.243
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (viii)						
Trong vòng 1 năm	11.306.794.153	11.306.794.153	11.306.794.153	(10.629.166.774)	10.629.166.774	10.629.166.774
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	13.072.338.633	13.072.338.633	(3.853.809.099)	(1.276.174.707)	18.202.322.439	18.202.322.439
Cộng	24.379.132.786	24.379.132.786	7.452.985.054	(11.905.341.481)	28.831.489.213	28.831.489.213
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(11.306.794.153)	(11.306.794.153)	(11.306.794.153)	10.629.166.774	(10.629.166.774)	(10.629.166.774)
Số phải trả sau 12 tháng	13.072.338.633	13.072.338.633	(3.853.809.099)	(1.276.174.707)	18.202.322.439	18.202.322.439
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt						
Trong vòng 1 năm	1.487.269.229	1.487.269.229	1.487.269.229	(1.305.072.000)	1.305.072.000	1.305.072.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	-	-	(1.487.269.229)	(1.959.511)	1.489.228.740	1.489.228.740
Cộng	1.487.269.229	1.487.269.229	-	(1.307.031.511)	2.794.300.740	2.794.300.740

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(1.487.269.229)	(1.487.269.229)	(1.487.269.229)	1.305.072.000	(1.305.072.000)	(1.305.072.000)
Số phải trả sau 12 tháng	-	-	(1.487.269.229)	(1.959.511)	1.489.228.740	1.489.228.740
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (ix)						
Trong vòng 1 năm	11.314.571.500	11.314.571.500	11.314.571.500	(9.401.728.000)	9.401.728.000	9.401.728.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	36.871.595.208	36.871.595.208	(3.405.820.192)	12.394.037.800	27.883.377.600	27.883.377.600
Sau 5 năm	9.737.339.000	9.737.339.000	9.737.339.000	(12.632.022.000)	12.632.022.000	12.632.022.000
Cộng	57.923.505.708	57.923.505.708	17.646.090.308	(9.639.712.200)	49.917.127.600	49.917.127.600
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(11.314.571.500)	(11.314.571.500)	(11.314.571.500)	9.401.728.000	(9.401.728.000)	(9.401.728.000)
Số phải trả trong vòng 12 tháng	46.608.934.208	46.608.934.208	6.331.518.808	(237.984.200)	40.515.399.600	40.515.399.600
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (x)						
Trong vòng 1 năm	6.653.882.006	6.653.882.006	6.653.882.006	(6.668.516.026)	6.668.516.026	6.668.516.026
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	13.193.255.090	13.193.255.090	(16.353.032.233)	16.266.636.559	13.279.650.764	13.279.650.764
Sau 5 năm	9.699.150.227	9.699.150.227	9.699.150.227	(16.671.649.613)	16.671.649.613	16.671.649.613
Cộng	29.546.287.323	29.546.287.323	-	(7.073.529.080)	36.619.816.403	36.619.816.403
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(6.653.882.006)	(6.653.882.006)	(6.653.882.006)	6.668.516.026	(6.668.516.026)	(6.668.516.026)
Số phải trả trong vòng 12 tháng	22.892.405.317	22.892.405.317	(6.653.882.006)	(405.013.054)	29.951.300.377	29.951.300.377

Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
nhánh Đà Nẵng (xi)						
Trong vòng 1 năm	341.100.000	341.100.000	341.100.000	(1.941.708.000)	1.941.708.000	1.941.708.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	-	-	(341.100.000)	(750.000)	341.850.000	341.850.000
Cộng	341.100.000	341.100.000	-	(1.942.458.000)	2.283.558.000	2.283.558.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(341.100.000)	(341.100.000)	(341.100.000)	1.941.708.000	(1.941.708.000)	(1.941.708.000)
Số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-	(341.100.000)	(750.000)	341.850.000	341.850.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng (xii)						
Trong vòng 1 năm	2.893.028.000	2.893.028.000	2.893.028.000	(2.897.516.000)	2.897.516.000	2.897.516.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	11.572.112.000	11.572.112.000	(3.616.312.141)	6.495.876.141	8.692.548.000	8.692.548.000
Sau 5 năm	723.284.141	723.284.141	723.284.141	(6.519.438.087)	6.519.438.087	6.519.438.087
Cộng	15.188.424.141	15.188.424.141	-	(2.921.077.946)	18.109.502.087	18.109.502.087
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(2.893.028.000)	(2.893.028.000)	(2.893.028.000)	2.897.516.000	(2.897.516.000)	(2.897.516.000)
Số phải trả trong vòng 12 tháng	12.295.396.141	12.295.396.141	(2.893.028.000)	(23.561.946)	15.211.986.087	15.211.986.087
Tổng cộng	511.726.194.915	511.726.194.915	857.076.273.438	(843.674.917.725)	498.324.839.202	498.324.839.202

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết các vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng chủ yếu như sau:

- (i) **Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng** theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 136/2017/VCB-KHDN ngày 26 tháng 12 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương (Bao gồm cả số dư nợ vay đối với Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 66/2016/VCB-KHDN ngày 19 tháng 05 năm 2016). Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và có thời hạn 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời gian vay vốn của khoản vay đó. Mục đích vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ cho sản xuất, kinh doanh. Công ty sử dụng máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay (xem Thuyết minh số V.9).
- (ii) **Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng** theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTDHM/NHCT480-HACHIBA ngày 08 tháng 05 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 130.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương (Bao gồm cả số dư nợ vay đối với Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 01/2016-HĐTDHM/NHCT480-HACHIBA ngày 28 tháng 04 năm 2016, Hợp đồng vay có thời hạn duy trì hạn mức là đến hết ngày 30/04/2018 và thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Mục đích vay để phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh dệt may. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được đầu tư để tăng quy mô sản xuất, dự án chiều sâu, mở rộng đầu tư sản xuất hàng may mặc xuất khẩu (xem Thuyết minh số V.9).
- (iii) **Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt** theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 0599/2016/HĐTDHM-DN ngày 26 tháng 12 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và thời hạn cho vay tối đa là 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần giải ngân được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Công ty sử dụng toàn bộ tiền gửi của Công ty gửi tại Ngân hàng (xem Thuyết minh số V.1 và số V.2) để thế chấp cho khoản vay này.
- (iv) **Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng** theo Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.452.140717 ngày 10 tháng 08 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được ghi trên Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty sử dụng bất động sản tại Trụ sở chính của Công ty ở 60 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- (v) **Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng** theo Hợp đồng cấp tín dụng số DNG2015043/HĐTD ngày 7 tháng 10 năm 2015 và Phụ lục số 04 ngày 05/12/2017 với hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, Hợp đồng vay có thời hạn 12 tháng (đến ngày 05/12/2018) và 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần giải ngân được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh mặt hàng may mặc xuất khẩu. Để đảm bảo cho khoản vay Công ty sử dụng các tài sản thế chấp sau:

- Hàng hóa là nguyên vật liệu và thành phẩm hàng may mặc, dệt luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh với giá trị tại mọi thời điểm tương đương với dư nghĩa vụ tín dụng của Công ty tại Ngân hàng nhưng không thấp hơn 40.000.000.000 VND (xem Thuyết minh số V.7).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quyền đòi nợ và toàn bộ các khoản phải thu phát sinh từ các hợp đồng/thỏa thuận mà Công ty ký kết với các đối tác/bên thứ ba là: APROPOS có tài khoản tiền về tại Techcombank thể hiện trên invoice.

- (vi) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh sông Hàn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/256967/HĐTD ngày 28 tháng 06 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 30 tháng 6 năm 2018. Thời hạn cho vay và lãi suất được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Biên pháp bảo đảm: Tín chấp.
- (vii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cấp tín dụng số 11181.17.307.2747030.TD ngày 22 tháng 06 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương (Giá trị hạn mức tín dụng trên đây đã bao gồm toàn bộ dư nợ gốc theo Hợp đồng cấp tín dụng số 35126.16.307.2747030), Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31 tháng 5 năm 2018 và thời hạn cho vay là 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần giải ngân được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Ngân hàng thực hiện cho vay không có tài sản bảo đảm. Khi số dư nợ vay vượt quá 40.000.000.000 VND, Công ty bổ sung các tài sản thế chấp theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Tại ngày **31 tháng 12 năm 2017**, Công ty có các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo như sau:
- Các Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2015 từ số 02/2015-HĐTDDA/NHCT480-HACHIBA đến số 10/2015-HĐTDDA/NHCT480-HACHIBA với tổng số tiền vay là 685.868,58 USD và 5.058.817.648 VND, thời hạn vay của các Hợp đồng tín dụng là 36 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 6 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay USD là 4,5%/năm và lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8%/năm). Mục đích của các khoản vay để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị để đầu tư tăng quy mô sản xuất, dự án chiều sâu, mở rộng đầu tư sản xuất hàng may mặc xuất khẩu.
 - Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2016 số 01/2016-HDDTDDA/NHCT480-HACHIBA ngày 01 tháng 3 năm 2016 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 36.500.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8,5%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án mua sắm máy móc thiết bị phục vụ dự án “Đầu tư mở rộng xí nghiệp May - Veston 2015 - 2016”.

Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay. Công ty sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay này (xem Thuyết minh số V.9).

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là **24.379.132.787 VND** bao gồm số dư nợ vay VND là 10.571.260.615 VND và số dư ngoại tệ là 607.206,34 USD tương đương 13.807.872.172 VND, trong đó khoản vay đến hạn trả là 11.306.794.153 VND bao gồm 4.059.505.670 VND và 318.702,22 USD tương đương 7.247.288.483 VND.

- (viii) **Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng theo**

Các Hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trong năm 2015 với tổng số hạn mức vay là 52.467.176.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn vay của các Hợp đồng cấp tín dụng là 36 tháng, 60 tháng và 120 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay USD là 4%/năm và

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4,5%/năm; lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 7,8%/năm). Mục đích của các khoản vay để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị cho ngành dệt và cho dự án xây dựng xí nghiệp may Veston.

Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.449.140717 ngày 29 tháng 09 năm 2017 với tổng hạn mức là 8.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để hoàn vốn đầu tư mua máy móc thiết bị.

Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.455.140717 ngày 17 tháng 08 năm 2017 với tổng hạn mức là 14.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các khoản vay được trả hàng tháng sau thời gian ân hạn. Công ty sử dụng nhà cửa, vật kiến trúc tại Trụ sở chính của Công ty ở 60 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, các tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số V.9) và hàng tồn kho trị giá 55.000.000.000 VND (xem Thuyết minh số V.7) để đảm bảo cho các khoản vay này.

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 57.923.505.708 VND bao gồm số dư nợ vay VND là 43.687.147.208 VND và số dư ngoại tệ là 625.774 USD tương đương 14.236.358.500 VND, trong đó khoản vay đến hạn trả là 11.314.571.500 VND bao gồm 7.372.588.000 VND và 173.274 USD tương đương 3.941.983.500 VND.

(ix) Công ty có các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 355/2013/VCB-KHDN ngày 18 tháng 12 năm 2013 với số tiền vay tối đa là 16.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất được quy định trên Giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng cho năm 2016 là 6%/năm (năm 2015: 6%/năm).
- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 334/2015/VCB-KHDN ngày 9 tháng 11 năm 2015 với số tiền vay tối đa là 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ, lãi suất áp là 3,96%/năm.

Mục đích của các khoản vay là để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án. Các khoản vay được trả hàng tháng sau thời gian ân hạn. Công ty sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số V.9) để thế chấp cho các khoản vay này.

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.299.594,78 USD tương đương 29.546.287.323 VND, trong đó khoản vay đến hạn trả là 292.671,30 USD tương đương 6.653.882.006 VND.

(x) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty còn các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng vay trung dài hạn số H.002/32 ngày 20 tháng 02 năm 2013 và Hợp đồng vay trung hạn ký ngày 10 tháng 12 năm 2014 với tổng số tiền vay là 345.600 USD. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất là 6,5%/năm (được điều chỉnh hàng quý), năm 2016: 5%/năm (năm 2015: 5%/năm). Mục đích của khoản vay để tài trợ Dự án đầu tư xí nghiệp may Veston cao cấp tại Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản vay được trả hàng quý sau thời gian ân hạn. Công ty sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay này (xem Thuyết minh số V.10).

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 15.000 USD tương đương 341.100.000 VND, trong đó khoản vay đến hạn trả là 15.000 USD tương đương 341.100.000 VND.

- (xi) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 6255/15/TD-TT/VI ngày 16 tháng 12 năm 2015 với số tiền vay là 18.730.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất các khoản vay USD: lãi suất ưu đãi năm đầu tiên là 2,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi, lãi vay được tính bằng lãi suất Libor 3 tháng cộng (+) 2,5%/năm; Lãi suất các khoản vay VND: 7,5%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, các tháng tiếp theo điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng (lãi cuối kỳ) cộng (+) biên độ 2,5%/năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư xây dựng mở rộng Xí nghiệp May - Veston.

Số tiền vay được trả hàng quý sau thời gian ân hạn. Công ty sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay này (xem Thuyết minh số V.9).

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 15.188.424.141 VND bao gồm số dư nợ vay VND là 6.250.592.625 VND và số dư ngoại tệ là 392.699 USD tương đương 8.937.831.516 VND, trong đó khoản vay đến hạn trả là 2.893.028.000 VND bao gồm 1.190.580.000 VND và 74.800 USD tương đương 1.702.448.000 VND.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	Thu bổ sung các quỹ	Chi/ sử dụng các quỹ	Tại ngày 31 tháng 12
Năm 2016					
Quỹ khen thưởng	1.811.930.819	2.389.921.808	3.300.000	(465.362.500)	3.739.790.127
Quỹ phúc lợi	293.387.895	1.194.960.904	-	(658.587.787)	829.761.012
Quỹ khen thưởng Ban điều hành, quản lý	(307.955.257)	1.194.960.904	-	(1.169.000.000)	(281.994.353)
Cộng	1.797.363.457	4.779.843.616	3.300.000	(2.292.950.287)	4.287.556.786
Năm 2017					
Quỹ khen thưởng	3.739.790.127	2.549.333.546	-	(530.600.000)	5.758.523.673
Quỹ phúc lợi	829.761.012	1.274.666.773	-	(528.190.364)	1.576.237.421
Quỹ khen thưởng Ban điều hành, quản lý	(281.994.353)	1.274.666.773	-	(1.082.380.000)	(89.707.580)
Cộng	4.287.556.786	5.098.667.092	-	(2.141.170.364)	7.245.053.514

(*) Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận tại Thuyết minh số V.17

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2016	42.000.000.000	7.069.140.847	12.036.830.192	21.521.714.248	82.627.685.287
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	25.493.335.464	25.493.335.464
Trích lập các quỹ	-	-	6.452.788.882	(11.232.632.498)	(4.779.843.616)
Chia cổ tức	-	-	-	(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
Điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp năm 2014, 2015, 2016	-	-	-	2.818.532.226	2.818.532.226
31/12/2016	42.000.000.000	7.069.140.847	18.489.619.074	26.000.949.440	93.559.709.361
01/01/2017	42.000.000.000	7.069.140.847	12.036.830.192	21.521.714.248	82.627.685.287
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	26.904.613.521	26.904.613.521
Phân phối lợi nhuận	-	-	6.883.200.575	(11.981.867.667)	(5.098.667.092)
Chia cổ tức	-	-	-	(8.400.000.000)	(8.400.000.000)
31/12/2017	42.000.000.000	7.069.140.847	25.372.819.649	32.495.257.999	106.937.218.495

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn điều lệ của Công ty là 42.000.000.000 VND đã được các cổ đông góp đủ đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	31/12/2017		31/12/2016	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	10.449.700.000	24,88	10.449.700.000	24,88
Ông Huỳnh Văn Chính	3.919.900.000	9,33	3.919.900.000	9,33
Bà Phạm Thị Xuân Nguyễn	4.420.000.000	10,52	4.420.000.000	10,52
Ông Đặng Văn Trường	1.894.600.000	4,51	1.894.600.000	4,51
Ông Trần Xuân Hòa	215.200.000	0,51	215.200.000	0,51
Cổ đông khác	31.550.300.000	75,12	31.550.300.000	75,12
Ông Nguyễn Xuân Anh	2.597.000.000	6,18	4.091.900.000	9,74
Ông Lâm Trọng Lương	3.993.850.000	9,51	3.993.850.000	9,51
Ông Nguyễn Đình Trường	3.080.000.000	7,33	3.080.000.000	7,33
Ông Nguyễn Xuân Tùng	3.030.000.000	7,21	-	-
Cổ đông khác	18.849.450.000	44,88	20.384.550.000	48,53
Cộng	42.000.000.000	100,00	42.000.000.000	100,00

Cổ phần

	31/12/2017	31/12/2016
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phần đã chào bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>4.200.000</i>	<i>4.200.000</i>
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
<i>Cổ phần phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	4.200.000	4.200.000
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>4.200.000</i>	<i>4.200.000</i>
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2017. Chi tiết như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Chia cổ tức	8.400.000.000	12.600.000.000
- Từ lợi nhuận năm trước	8.400.000.000	8.400.000.000
- Tạm trích từ lợi nhuận năm nay	-	4.200.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển (bao gồm quỹ dự phòng tài chính)	6.883.200.575	6.452.788.882
- Quỹ đầu tư phát triển	6.883.200.575	6.452.788.882
- Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.098.667.092	4.779.843.616
- Quỹ khen thưởng	2.549.333.546	2.389.921.808
- Quỹ phúc lợi	1.274.666.773	1.194.960.904
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành, quản lý	1.274.666.773	1.194.960.904
Cộng	20.381.867.667	23.832.632.498

20. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2017	31/12/2016
Đô la Mỹ	USD	1.573.253,94	842.252,43
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	250,07	673,38
Đô la Hồng Kông	HKD	1.730,56	1.950,40

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	918.519.269.283	798.022.093.526
Doanh thu bán hàng hóa	2.299.364.762	187.884.370
Doanh thu bán thành phẩm	914.515.867.794	795.729.462.570
Doanh thu khác	1.704.036.727	2.104.746.586
Các khoản giảm trừ doanh thu	(217.828.424)	(559.163.334)
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	(217.828.424)	(559.163.334)
Doanh thu thuần	918.301.440.859	797.462.930.192

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn hàng hóa	2.107.137.130	120.274.647
Giá vốn thành phẩm	814.624.019.322	700.103.268.705
Cộng	816.731.156.452	700.223.543.352

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	3.363.477.382	3.409.474.323
Lãi tiền cho vay	-	342.806.332
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.217.392.683	7.351.501.652
Doanh thu tài chính khác	1.021.674.766	858.796.094
Cộng	8.602.544.831	11.962.578.401

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	17.973.366.433	13.939.360.660
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.393.143.885	10.618.415.454
Cộng	20.366.510.318	24.557.776.114

5. Chi phí bán hàng

Vận chuyển, bốc vác hàng xuất	5.715.955.870	5.556.410.343
Chi phí hoa hồng	1.715.890.219	2.057.603.862
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.137.369.202	2.213.357.224
Cộng	8.569.215.291	9.827.371.429

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	29.454.459.563	26.361.308.974
Chi phí bằng tiền khác	9.297.919.033	8.302.564.378
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.067.849.463	12.107.121.495
Cộng	50.820.228.059	46.770.994.847

7. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	1.895.145.950	3.900.951.702
Lãi thanh lý tài sản cố định	31.818.182	-
Thu thanh lý công cụ, dụng cụ	655.750.000	19.999.999
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	84.908.787	2.152.548.359
Xử lý công nợ không đòi	16.404	943.135.264
Thu nhập khác	1.122.652.577	785.268.080
Chi phí khác	793.446.245	467.410.751
Lỗ về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1	51.688.806
Chi tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng	297.779.573	350.787.743
Chi tiền bị phạt do vi phạm hành chính	483.777.670	-
Chi phí khác	11.889.001	64.934.202
Lợi nhuận (lỗ) khác	1.101.699.705	3.433.540.951

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.664.002.218	31.479.363.802
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.116.135.744	524.100.586
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	4.116.135.744	936.343.917
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(412.243.331)
Thu nhập chịu thuế	35.780.137.962	32.003.464.388
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.156.027.592	6.400.692.878
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm liên quan đến chi phí chi cho lao động nữ	(2.368.201.600)	(414.664.540)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.787.825.992	5.986.028.338

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

9. Lãi trên cổ phần

a) Lãi cơ bản trên cổ phần

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.876.176.226	25.493.335.464
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.380.922.704)	(5.098.667.093)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	21.523.690.817	20.394.668.371
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phần	5.119	4.856

b) Lãi suy giảm trên cổ phần

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	21.500.940.981	20.394.668.371
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	21.500.940.981	20.394.668.371
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	4.200.000	4.200.000
Lãi suy giảm trên cổ phần	5.119	4.856

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	444.082.382.198	359.469.867.094
Chi phí nhân công	328.641.765.873	325.311.310.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.861.883.455	26.943.428.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.406.651.913	24.787.388.007
Chi phí khác bằng tiền	28.981.968.112	46.252.048.877
Cộng	875.974.651.551	782.764.042.650

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2017	Năm 2016
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	374.362.852	83.343.586
Phải trả chi phí lãi vay	537.194.600	145.919.772
Phải trả cổ tức	-	135.227.992
Phải trả tiền mua sắm, xây dựng tài sản trong năm	63.280.000	-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm	83.343.586	200.804.942
Chi phí lãi vay năm trước đã trả trong năm	145.919.772	351.794.892
Cổ tức năm trước đã trả trong năm	135.227.992	131.228.992
Tiền mua sắm, xây dựng tài sản phải trả năm trước đã trả trong năm	-	12.232.621.725
Trả trước tiền mua sắm, xây dựng tài sản	-	-

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương, thưởng, thù lao	3.789.944.600	3.354.155.400
Cộng	3.789.944.600	3.354.155.400

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.16, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2017	31/12/2016 (trình bày lại)
Các khoản vay	511.726.194.915	498.324.839.202
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(45.454.186.167)	(49.720.588.004)
Nợ thuần	466.272.008.748	448.604.251.198
Vốn chủ sở hữu	106.937.218.495	93.559.709.361
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	436%	479%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.454.186.167	45.454.186.167	49.720.588.004	49.720.588.004
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	34.395.226.055	34.395.226.055	38.477.985.151	38.477.985.151
Phải thu của khách hàng	134.929.006.280	134.929.006.280	117.483.144.833	117.483.144.833
Phải thu về cho vay	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu khác	747.190.533	747.190.533	483.703.319	483.703.319
Cộng	216.025.609.035	216.025.609.035	212.165.421.307	212.165.421.307

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	41.956.477.011	41.956.477.011	38.741.731.055	38.741.731.055
Chi phí phải trả	1.706.714.440	1.706.714.440	1.625.077.358	1.625.077.358
Phải trả khác	29.793.309.772	29.793.309.772	26.298.366.016	26.298.366.016
Các khoản vay	511.726.194.915	511.726.194.915	498.324.839.202	498.324.839.202

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Cộng	585.219.390.438	585.219.390.438	564.990.013.631	564.990.013.631

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của giá cả hàng hóa.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty là sản xuất các sản phẩm ngành may mặc và ngành dệt khân, phần lớn là sản xuất đơn hàng xuất khẩu. Nguyên vật liệu chính để sản xuất các sản phẩm may mặc và sản phẩm dệt là vải và sợi các loại, chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài. Ngoài ra, máy móc thiết bị ngành dệt may cũng thường xuyên đầu tư thay đổi, mua sắm mới,.. do đó, Công ty cũng nhập khẩu các thiết bị này. Hoạt động sản xuất xuất khẩu chiếm phần lớn trong Công ty, nhu cầu lớn rất lớn cho nên Công ty cần các nguồn vốn vay từ các ngân hàng trong nước, đặc biệt là các khoản vay ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Tên ngoại tệ	31/12/2017			31/12/2016		
	Tài sản	Nợ phải trả	Tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	Tài sản	Nợ phải trả	Tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ
Đô la Mỹ (USD)	7.268.571,16	20.367.631,68	(13.099.060,52)	5.731.838,54	21.158.832,14	(15.426.993,60)
Quy đổi VND	164.694.746.177	485.934.696.074	(321.239.949.897)	130.126.341.708	482.224.703.431	(352.098.361.723)
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	673,38	-	673,38	673,38	-	673,38
Quy đổi VND	18.520.884	-	18.520.884	18.520.884	-	18.520.884
Đô la Hồng Kông (HKD)	1.950,40	-	1.950,40	1.950,40	-	1.950,40
Quy đổi VND	5.151.534	-	5.151.534	5.151.534	-	5.151.534

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ (USD).

Tỷ lệ thay đổi được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của USD so với VND tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng 6.424.798.998 VND (năm 2016: 7.041.967.234VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, phải thu về cho vay và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có ảnh hưởng của rủi ro lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
Tài sản tài chính	42.081.969.575	67.247.468.484
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	7.186.743.520	22.769.483.333
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi có kỳ hạn)	34.395.226.055	38.477.985.151
Phải thu về cho vay	-	6.000.000.000
Nợ phải trả tài chính	511.726.194.915	498.324.839.202
Các khoản vay	511.726.194.915	498.324.839.202
Tài sản (nợ phải trả) tài chính thuần	(469.644.225.340)	(431.077.370.718)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm/tăng tương ứng là 4.696.442.253 VND (năm 2016: 4.310.773.707 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, phải thu về cho vay).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro ở khoản phải thu khách hàng là không đáng kể.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.454.186.167			45.454.186.167
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	34.395.226.055			34.895.226.055
Phải thu của khách hàng	134.929.006.280			134.929.006.280
Phải thu khác	747.190.533			747.190.533
Cộng	216.025.609.035			216.025.609.035
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	41.956.477.011	-	-	41.956.477.011
Chi phí phải trả	1.706.714.440	-	-	1.706.714.440
Phải trả khác	7.058.309.772	22.735.000.000	-	29.793.309.772
Các khoản vay	416.857.120.616	75.432.585.072	19.436.489.227	511.726.194.915
Cộng	467.615.316.139	98.167.585.072	19.436.489.227	585.219.390.438
Chênh lệch thanh khoản thuần	(251.485.891.625)	(98.167.585.072)	(19.436.489.227)	(369.089.965.924)

31/12/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.720.588.004	-	-	49.720.588.004
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	38.477.985.151	-	-	38.477.985.151
Phải thu của khách hàng	117.483.144.833	-	-	117.483.144.833
Phải thu về cho vay	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
Phải thu khác	483.703.319	-	-	483.703.319
Cộng	212.165.421.307	-	-	212.165.421.307
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	38.741.731.055	-	-	38.741.731.055
Chi phí phải trả	1.625.077.358	-	-	1.625.077.358
Phải trả khác	3.513.366.016	22.785.000.000	-	26.298.366.016
Các khoản vay	392.612.751.959	76.408.415.630	29.303.671.613	498.324.839.202
Cộng	436.492.926.388	99.193.415.630	29.303.671.613	564.990.013.631
Chênh lệch thanh	(224.327.505.081)	(99.193.415.630)	(29.303.671.613)	(352.824.592.324)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Số liệu so sánh

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước được trình bày lại do việc điều chỉnh hồi tố “thuế thu nhập doanh nghiệp” để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Cụ thể:

KHOẢN MỤC	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 _Trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	31/12/2016 _Sau điều chỉnh
Tài sản ngắn hạn khác					
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	16.074.554	1.597.503.888	1.613.578.442
Nợ ngắn hạn					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.363.598.353	(1.221.028.338)	142.570.015
Vốn chủ sở hữu		V.18			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.889.081.750	2.818.532.226	4.707.613.976

4. Sự kiện sau ngày ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2018



PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT
Tổng Giám đốc

ĐẶNG VĂN TRƯỜNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM LIÊN
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính